

So sánh hơn

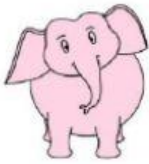
Tính từ 1 âm tiết (adj) adjective	tính từ 1 âm tiết (Dạng so sánh hơn) adjective+ ER
heavy (nặng)	heavier (nặng hơn)
silly (ngớ ngẩn, yếu đuối)	sillier
fat (béo)	fatter (béo hơn)
fast (nhanh)	faster (nhanh hơn)
slow (chậm)	slower (chậm hơn)
strong (mạnh)	stronger (mạnh hơn)
Big (to)	bigger (to hơn)
small (nhỏ)	smaller (nhỏ hơn)
short (ngắn)	shorter (ngắn hơn)
long (dài)	longer (dài hơn)
young (trẻ) – nói về tuổi tác	younger (trẻ hơn) – nói về tuổi tác
old (già) – nói về tuổi tác	old (già hơn) – nói về tuổi tác

Để so sánh 2 sự vật, hiện tượng ta dùng: (áp dụng với tính từ 1 âm tiết)

S1 + Adjective + ER + Than + S2

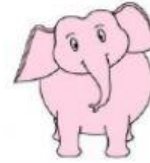
Comparative

Finish the sentences.



BIG & SMALL

The elephant is bigger than the turtle.
The turtle isthe elephant.



STRONG

..... the rabbit.



TALL & SHORT

The giraffe is
The kangaroo is



Brown
dog



White dog

FAT

The brown dog



LUIS



TONY

OLD &
YOUNG

Luis is than Tony
Tony is



Marry



Kitty

TALL & SHORT

Marry is than Kitty
Kitty is



FAST & SLOW

The airplane is than the car.
The car is



my pencil



your pencil

LONG &
SHORT

My pencil is than your pencil.
Your pencil is